

Số: 1100/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 31 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Mù Cả

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù và giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện đầu tư xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Mù Cả của Công an tỉnh Lai Châu tại Văn bản số 18/CAT-PH10 ngày 31 tháng 5 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3515/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Mù Cả (sau đây gọi là *Dự án*) của Công an tỉnh Lai Châu (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã Mù Cả, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai danh sách chuyên gia được lấy ý kiến và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mù Cả; Giám đốc Công an tỉnh Lai Châu, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Công Thương; Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- UBND xã Mù Cả;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- VP UBND tỉnh: V1, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ LIÊN CẤP TIỂU HỌC
VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ MÙ CẢ

*(Kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Mù Cả.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Mù Cả, tỉnh Lai Châu.
- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Lai Châu.
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu Thọ, tổ 16, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô: Dự án Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Mù Cả có tổng diện tích đất dự kiến sử dụng khoảng 12,24 ha *(trong đó diện tích chiếm dụng đất vĩnh viễn của dự án là 7,43 ha và diện tích chiếm đất tạm thời là 4,81 ha)*.
- Công suất: Công trình đảm bảo nhu cầu học tập và làm việc của 650 học sinh và 80 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án là công trình trường học nên không có công nghệ sản xuất.

1.4. Phạm vi

a) Các hạng mục công trình chính của Dự án

- Khối nhà hiệu bộ kết hợp bộ môn + thư viện 3 tầng: Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m; chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 722 m²; diện tích sàn 2.166 m².
- Khối nhà lớp học lý thuyết 3 tầng (khối tiểu học): Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m; chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 537 m²; diện tích sàn 1.611 m².
- Khối nhà hiệu bộ lớp học bộ môn 3 tầng (khối tiểu học): Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m, chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 421 m²; diện tích sàn xây dựng 1.263 m².
- Khối nhà hiệu bộ lớp học lý thuyết 3 tầng (khối trung học cơ sở): Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m, chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 537 m²; diện tích sàn xây dựng 1.611 m².

- Khối nhà hiệu bộ lớp học bộ môn 3 tầng (khối trung học cơ sở): Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m, chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 601 m², diện tích sàn xây dựng 1.803 m².

- Khối nhà đa năng: Công trình 1 tầng cao 8,2 m; mái cao 2,7 m; chiều cao công trình + 11,85 m; diện tích xây dựng 1.157 m²; diện tích sàn xây dựng 1.157 m².

- Khối nhà nội trú học sinh nam trung học cơ sở 3 tầng: Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m; chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 680 m²; diện tích sàn xây dựng 2.040 m².

- Khối nhà nội trú học sinh nữ trung học cơ sở 3 tầng: Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6m; tầng 2 và 3 cao 3,6m; mái cao 3,3 m, chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 735 m²; diện tích sàn xây dựng 2.205 m².

- Khối nhà nội trú học sinh nam, nữ tiểu học 3 tầng: Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m, chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 735 m²; diện tích sàn xây dựng 2.205 m².

- Khối nhà bếp + ăn 2 tầng: Công trình 2 tầng; tầng 1 cao 3,9m; tầng 2 cao 3,9 m; mái cao 3 m; chiều cao công trình + 11,25 m; diện tích xây dựng 1.086 m²; diện tích sàn xây dựng 2.172 m².

- Khối nhà công vụ giáo viên 3 tầng: Công trình 3 tầng; tầng 1 cao 3,6 m; tầng 2 và 3 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m; chiều cao công trình + 14,55 m; diện tích xây dựng 518 m²; diện tích sàn xây dựng 1.554 m².

- Khối nhà tập bơi 1 tầng (dự kiến): Công trình 1 tầng, cao 3,6m; mái cao 3,3 m; chiều cao công trình + 7,35 m; diện tích xây dựng 580 m², diện tích sàn xây dựng 580 m².

- Khối nhà văn hóa cộng đồng 1 tầng (dự kiến): Công trình 1,5 tầng (dạng nhà sàn, để trống tầng 1); tầng trệt cao 3 m; tầng 1 cao 3,6 m; mái cao 3,3 m; chiều cao công trình + 10,6 m; diện tích xây dựng 297 m²; diện tích sàn xây dựng 297 m².

b) Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

- Cổng chính và phụ, nhà bảo vệ, hành lang cầu, nhà để xe giáo viên và học sinh, sân bê tông nội bộ, hệ thống chống sét tổng thể, bể nước ngầm + nhà đặt máy bơm, đường giao thông nội bộ...

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Dự án, bao gồm: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; công trình xử lý nước thải; kho chứa chất thải rắn; kho chứa chất thải nguy hại; thùng ủ phân hữu cơ...

c) Các hoạt động của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chiếm dụng đất, phát quang, dọn dẹp mặt bằng, đào đắp, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu, đất đá thải, phế thải; sinh hoạt của công nhân xây dựng; hoạt

động rà, phá bom, mìn, vật liệu nổ; san lấp rãnh, bề lằng để hoàn trả mặt bằng sau khi kết thúc thi công.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động học tập, giảng dạy, sinh hoạt của giáo viên, học sinh, cán bộ, nhân viên tại trường học; phương tiện giao thông ra vào trường học.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường do chiếm dụng 0,2117 ha diện tích đất có rừng tự nhiên theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/1/2026 của Chính phủ*).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Các hạng mục công trình chính của Dự án gồm: Khối nhà hiệu bộ kết hợp bộ môn + thư viện 3 tầng; khối nhà lớp học lý thuyết 3 tầng khối tiểu học; khối nhà hiệu bộ lớp học bộ môn 3 tầng khối tiểu học; khối nhà hiệu bộ lớp học lý thuyết 3 tầng khối trung học cơ sở; khối nhà lớp học bộ môn 3 tầng khối trung học cơ sở; khối nhà đa năng; khối nhà nội trú học sinh nam trung học cơ sở 3 tầng; khối nhà nội trú học sinh nữ trung học cơ sở 3 tầng; khối nhà nội trú học sinh nam, nữ tiểu học 3 tầng; khối nhà bếp + ăn 2 tầng; khối nhà công vụ giáo viên 3 tầng; khối nhà tập bơi 1 tầng (dự kiến); khối nhà văn hóa cộng đồng 1 tầng (dự kiến).

- Hạng mục công trình phục vụ thi công: Bãi thải; nhà ở công nhân; máy trộn bê tông; cơ sở phụ trợ khác (kho, bãi khác)...

- Hạng mục công trình phục vụ vận hành: Cổng chính và phụ, nhà bảo vệ; hành lang cầu; nhà để xe giáo viên, học sinh; sân bê tông nội bộ, đường giao thông nội bộ....

2.2. Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Thi công các hạng mục công trình của Dự án; vận chuyển nguyên vật liệu, đá thải; hoạt động của máy móc; hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng (*lưu trú, ăn uống tại khu vực lán trại*)...

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động học tập, giảng dạy của giáo viên, học sinh, cán bộ nhân viên tại Dự án; hoạt động ra vào của phương tiện giao thông trong khu vực trường học...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân (*lưu trú, ăn uống tại khu vực dự án*), nước thải từ hoạt động xây dựng (*từ hoạt động trộn bê tông, rửa vật liệu, rửa máy móc thiết bị, từ hoạt động rửa xe...*).

- Quy mô: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày (24 giờ); nước thải từ hoạt động trộn bê tông, rửa vật liệu, rửa máy móc thiết bị phát sinh khoảng 03 m³/ngày (24 giờ); nước thải từ hoạt động rửa xe khoảng 01 m³/ngày (24 giờ).

- Tính chất: Nước thải sinh hoạt có TSS, BOD₅, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, coliform,...; nước thải xây dựng: TSS, độ đục.

b) Bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh: Quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng khu vực thực hiện các hạng mục của dự án; vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, đất đá thải và chất thải rắn; quá trình đào, đắp hố móng, san nền công trình; thi công xây dựng các hạng mục công trình; lắp đặt các thiết bị; hoạt động của máy trộn bê tông.

- Tính chất: Bụi, CO, SO₂, NO_x,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường

+ Nguồn phát sinh: Từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân; phát quang thực bì; lắp đặt các thiết bị, xây dựng các hạng mục công trình; bùn từ bể tự hoại, cặn lắng từ bể tách mỡ.

+ Quy mô, tính chất

Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân khoảng 13 kg/ngày (24 giờ); thành phần: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

Từ hoạt động xây dựng gồm (đất, đá thải...) khoảng 206.819 m³ tương đương 310.228 tấn và khoảng 260 kg các loại chất thải rắn khác (gỗ, nhựa, sắt thép, tôn, bao bì, cát đá...).

Bùn từ bể tự hoại, cặn lắng từ bể tách mỡ có khối lượng không đáng kể; thành phần: bùn, cặn, dầu mỡ,...

- Chất thải nguy hại

+ Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

+ Quy mô, thành phần: Từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh khoảng 846 kg/năm; thành phần: Dầu mỡ thải, giẻ lau dầu, bao bì thải, cặn dầu, pin, ắc quy hỏng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải; hoạt động của các thiết bị thi công, máy trộn bê tông; hoạt động thi công hàn, cắt...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực dự án cuốn theo các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, vật liệu xây dựng như xi măng, vôi vữa.

- Tác động do chiếm dụng đất: Việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất và việc thu hồi đất có thể ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân trên địa bàn khu vực xã Mù Că.

- Tác động đến kinh tế xã hội: Quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến các hộ dân sinh sống dọc hai bên đường và người tham gia giao thông trên tuyến đường.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: Sự cố cháy nổ, chập điện, mưa bão, ngập lụt, tai nạn giao thông, sụt lún công trình, sạt lở taluy.

3.2. Giai đoạn hoạt động

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của học sinh, giáo viên, cán bộ, công nhân viên, nước thải bể bơi.

- Quy mô:

+ Nước thải sinh hoạt của học sinh, giáo viên, cán bộ công nhân viên: Phát sinh với lưu lượng khoảng 84 m³/ngày (24 giờ).

+ Nước thải bể bơi: Phát sinh với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày (24 giờ).

+ Tính chất: Nước thải sinh hoạt có TSS, BOD₅, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, coliform,...

b) Bụi, khí thải: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào trường học, chạy máy phát điện dự phòng.

3.2.2 Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường

+ Nguồn phát sinh: Từ sinh hoạt của học sinh, giáo viên, cán bộ công nhân viên; bùn từ bể tự hoại, cặn lắng từ bể tách mỡ động, thực vật của nước thải nhà ăn.

+ Quy mô, tính chất:

Từ hoạt động sinh hoạt của học sinh, giáo viên, cán bộ công nhân viên khoảng 307 kg/ngày; thành phần: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

Bùn cặn thải từ bể tự hoại khoảng 16 tấn/năm; thành phần: bùn đất, cát, một phần là mùn phân hủy của thực vật.

Dầu mỡ và cặn từ bể tách mỡ phát sinh khoảng 33 kg/tuần; Vật liệu lọc từ bể lọc phát sinh khoảng 4,5 m³/năm.

- Chất thải nguy hại: từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị máy móc để đảm bảo hoạt động giảng dạy, học tập hàng ngày tại trường khoảng 75 kg/năm, thành phần: bóng đèn huỳnh quang hỏng; pin, ắc quy chì thải; linh kiện điện tử thải; bao bì nhựa cứng; hóa chất từ phòng thí nghiệm,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Giai đoạn vận hành:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động dạy học, vui chơi của trường học; máy phát điện dự phòng, dàn cực nóng của hệ thống điều hoà tại các khu nhà.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh khi xảy ra mưa tại khu vực; thành phần trong nước mưa thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như đất, cát, bụi.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: Sự cố cháy nổ, chập điện, mưa bão, ngập lụt, tai nạn giao thông, sụt lún công trình.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ phòng bếp: Bố trí 01 bể tách mỡ dung tích 500 lít tại khu nhà bếp.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: Được xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn dung tích 6,5 m³ tại công trường.

+ Quy trình thu gom, xử lý:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 5 ngăn → Hệ thống thoát nước chung khu vực.

Nước thải từ bếp: Nước thải từ bếp → bể tách mỡ → Hệ thống thoát nước chung khu vực.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, Bảng 2), chảy ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của khu vực tại vị trí có tọa độ X (m) = 2.488.941, Y (m) = 443.561 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°); phương thức xả thải: tự chảy.

- Nước thải xây dựng:

+ Nước rửa bánh xe: Tại công trường bố trí 01 bể lắng 02 ngăn có kích thước dài x rộng x cao = 2,0 m x 1,5 m x 1,0 m, dung tích 3,0 m³; kết cấu xây gạch, xi măng. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột B được tái sử dụng cho hoạt động rửa xe và tưới nước đập bụi trên công trường thi công. Cặn lắng được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ hoạt động bê tông và nước rửa máy móc thiết bị trộn bê tông (01 máy): Bố trí 01 bể lắng 2 ngăn tại khu vực máy trộn bê tông để thu gom xử lý nước thải phát sinh từ máy trộn bê tông với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 1m x 2m, dung tích 6 m³; kết cấu xây gạch, xi măng, nước sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B được tái sử dụng rửa dụng cụ thi công, tưới bụi trên công trường. Cặn lắng từ bể lắng có thành phần không độc hại chủ yếu là bùn đất, định kỳ 01 tháng/lần hoặc tùy khối lượng phát sinh được nạo vét, thu gom, vận chuyển về bãi chứa đất đá thải quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải từ phòng bếp: Xây dựng 01 bể tách mỡ dung tích 7,5 m³ tại khu nhà bếp.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: Được xử lý bằng 35 bể tự hoại 05 ngăn dung tích 6,5 m³, sau đó dẫn về bể lọc với dung tích 17,3 m³/ngày (24 giờ).

+ Bể lọc dung tích 17,3 m³ chia làm 04 ngăn.

+ Nước thải bể bơi: Toàn bộ nước trong bể liên tục được thu gom qua hệ thống máng tràn, dẫn về bể thu, sau đó được bơm qua hệ thống bể lọc kết hợp khử trùng tự động có kích thước 3,8m x 1,8m x 1,3m để tái sử dụng. Sau khi xử lý, phần lớn lượng nước sẽ được tái sử dụng để cấp ngược lại cho bể bơi; phần còn lại (nước thải bỏ) sẽ theo hệ thống thoát nước thải chung về bể lọc xử lý chung của nhà trường để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài hệ thống thoát nước chung khu vực.

+ Quy trình thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt sau xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn, nước thải từ nhà bếp sau xử lý sơ bộ qua thiết bị tách mỡ và nước thải bể bơi sau khi xử lý sơ bộ tại hệ thống lọc tuần hoàn → Bể lọc 04 ngăn → đồng hồ đo lưu lượng → Hệ thống thoát nước chung khu vực.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, Bảng 2), chảy ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung khu vực tại vị trí

có tọa độ X (m) = 2.488.941, Y (m) = 443.561 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°); phương thức xả thải: tự chảy.

+ Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu ra theo quy định tại khoản 6 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Sử dụng xe bồn tưới ẩm trong vòng bán kính 1 km tính từ công dự án đối với tuyến đường xung quanh dự án. Tần suất tưới ẩm 02 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô hanh.

- Chỉ đạo các đơn vị tham gia thi công xây dựng dự án thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Trồng, chăm sóc cây xanh phù hợp với khuôn viên trường nhằm chắn bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Ban hành và lắp đặt các bảng, biểu nội quy ra vào khu vực dự án.

- Các phòng thí nghiệm được thiết kế thoáng khí, có lắp đặt các quạt hút khí độc.

- Tăng cường tổ chức quét dọn sạch sẽ khuôn viên Trường và thu gom tập kết chất thải rắn về đúng nơi quy định.

- Chất thải được thu gom vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải và mùi hôi vào môi trường không khí; phun rửa thường xuyên khu vực tập kết rác để giảm thiểu mùi.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tại khu vực công trường thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt phát sinh tại nguồn và thu gom vào 10 thùng 60 lít (trong đó túi, thùng màu xanh lá đựng chất thải hữu cơ; túi, thùng màu xanh lam đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; túi, thùng màu đen đựng chất thải khác) theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu. Tổng số thùng rác cần bố trí trong giai đoạn thi công dự án là 10 thùng.

+ Biện pháp xử lý:

* Đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Loại bỏ sản

phẩm chứa đựng bên trong gom vào thùng chứa màu xanh lam, khi loại rác thải này đầy thùng sẽ bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

* Đối với nhóm chất thải hữu cơ: Thu gom vào thùng chứa màu xanh lá cuối ngày mang đến thùng ủ để làm phân bón hữu cơ sử dụng để trồng rau, cây xanh. Riêng thức ăn thừa cho bà con trong vùng sử dụng làm thức ăn cho động vật nuôi.

* Đối với nhóm chất thải rắn công kênh: Thu gọn, giảm kích thước; trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng theo quy định. Phần thải bỏ tập kết vào các thùng chứa màu đen cùng với chất thải sinh hoạt khác.

* Đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác và thủy tinh thải: Được gom vào thùng chứa màu đen 60 lít có nắp đậy và lưu chứa tạm thời tại thùng chứa được đặt ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nắng mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý. Riêng đối với dầu mỡ động, thực vật và cặn lắng từ bể tách dầu tại nhà ăn hàng tuần được công nhân vớt và nạo vét sẽ được ổn định bằng vôi (chất hấp phụ) trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương đem đi xử lý.

+ Thùng ủ chất thải hữu cơ làm phân bón: 01 thùng dung tích 240 lit, chất liệu HDPE chịu mưa nắng, an toàn ngoài trời, có nắp khóa kín và van xả đáy tiện lợi.

+ Kho chứa rác thải: Kho chứa thiết kế có diện tích khoảng 10 m² với kích thước LxB = 4,0 m x 2,5 m. Kho được quay kín bằng tôn, có mái che, nền bê tông chống thấm.

+ Đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác: Thủy tinh thải, chất thải công kênh không thể tái sử dụng sẽ được lưu giữ tại kho lưu giữ rác thải và định kỳ 1 tuần/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Đối với chất thải rắn là bìa các tông, gỗ, sắt thép mẫu: Được thu gom, tập kết, bán cho đơn vị có chức năng thu mua, tái chế.

+ Đối với đất đá thải: Dự kiến đổ thải tại 02 bãi thải với diện tích khoảng 4,81 ha.

Bãi thải số 01 (vị trí tọa độ: X (m) = 2.490.242, Y (m) = 444.776) cách dự án khoảng 65 m. Bãi thải có sức chứa khoảng 557.190,59 m³, diện tích khoảng 4,47 ha. Phương án đổ thải được thiết kế 01 tầng đổ thải, với chiều cao đổ thải dao động từ 3,89 m đến 32,84 m, đất đá thải được đổ theo từng lớp, kết hợp san gạt tạo bề mặt ổn định, lu lèn chặt để tăng độ ổn định cho toàn bộ bãi thải, hạn chế hiện tượng lún không đều, trượt mái hoặc phát tán vật liệu ra xung quanh. Tại bãi thải bố trí hệ thống kê bằng rọ đá với kích thước (BxRxH) = (2x1x1) m, chiều dài kê khoảng 120 m, kết cấu khung rọ được làm bằng thép phi 10, tổng chiều dài thanh khung cho một rọ là 16 m, rọ có nắp đậy liên kết đồng bộ sau khi đổ đầy đá hộc, để gia cố bờ bao bãi thải. Thoát nước tự nhiên.

Bãi thải số 02 (vị trí tọa độ: X (m) = 2.490.326, Y (m) = 445.186) cách dự án khoảng 65m. Bãi thải có sức chứa khoảng 19.440,22 m³, diện tích khoảng 0,34 ha. Phương án đổ thải được thiết kế 01 tầng đổ thải, với chiều cao đổ thải dao động từ 1,39 m đến 15,36 m, đất đá thải được đổ theo từng lớp, kết hợp san gạt tạo bề mặt ổn định, lu lèn chặt để tăng độ ổn định cho toàn bộ bãi thải, hạn chế hiện tượng lún không đều, trượt mái hoặc phát tán vật liệu ra xung quanh. Tại chân bãi thải bố trí hệ thống kê bằng rọ đá với kích thước (BxRxH) = (2x1x1) m, chiều dài kê khoảng 70 m, kết cấu khung rọ được làm bằng thép phi 10, tổng chiều dài thanh khung cho một rọ là 16 m, rọ có nắp đáy liên kết đồng bộ sau khi đổ đầy đá học, để gia cố bờ bao bãi thải. Thoát nước tự nhiên.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thu gom vào 37 thùng dung tích 60 lít bố trí tại các khu nhà, trong đó: Nhà hiệu bộ kết hợp thư viện (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà lớp học lý thuyết 3 tầng THCS (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà lớp học lý thuyết 3 tầng tiểu học (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà lớp học bộ môn khối THCS (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà lớp học bộ môn khối tiểu học (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà đa năng 1 tầng (01 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà nội trú học sinh nam THCS 3 tầng (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà nội trú học sinh nữ THCS 3 tầng (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà nội trú học sinh tiểu học 3 tầng (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà công vụ giáo viên 3 tầng (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà ăn 2 tầng (04 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà văn hóa cộng đồng (01 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Nhà bể bơi 1 tầng (01 thùng 60 lít loại 3 ngăn); Khu vực sân trường, đường nội bộ (03 thùng 60 lít loại 3 ngăn).

+ Biện pháp xử lý:

* Đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom vào thùng chứa màu xanh lam để bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

* Đối với nhóm chất thải hữu cơ: Thu gom vào thùng chứa màu xanh lá cuối ngày sẽ mang đến thùng ủ để làm phân bón hữu cơ sử dụng để trồng rau, cây xanh. Riêng thức ăn thừa cho bà con trong vùng sử dụng làm thức ăn cho động vật nuôi.

* Đối với nhóm chất thải rắn công kênh: Thu gọn, giảm kích thước. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng. Phần thải bỏ tập kết vào các thùng chứa màu đen cùng với chất thải sinh hoạt khác.

* Đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác và thủy tinh thải: Được gom vào thùng chứa màu đen 60 lít có nắp đáy và lưu chứa tạm thời tại thùng chứa được đặt ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nắng mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý. Riêng đối với dầu mỡ động, thực vật và cặn lắng từ bể tách dầu tại nhà ăn hàng tuần được công nhân vớt và nạo vét sẽ được ổn định bằng vôi (chất hấp phụ) trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương đem đi xử lý.

* Đối với nhóm chất thải có yếu tố nguy hại thu gom và tập kết vào các thùng chứa đã bố trí sẵn tại kho chất thải nguy hại.

+ Thùng ủ chất thải hữu cơ làm phân bón: 03 thùng dung tích 3.000 lít, chất liệu HDPE chịu mưa nắng, an toàn ngoài trời, có nắp khóa kín và van xả đáy tiện lợi.

+ Kho chứa rác thải: Kho chứa thiết kế có diện tích khoảng 10 m² với kích thước LxB = 4,0 m x 2,5 m. Kho được vây kín bằng tôn, có mái che, nền bê tông chống thấm.

+ Đối với nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác: Thủy tinh thải, chất thải công kênh không thể tái sử dụng sẽ được lưu giữ tại kho lưu giữ rác thải và định kỳ 1 tuần/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

* Chất thải rắn thông thường

Bùn thải từ bể tự hoại, vật liệu lọc từ bể lọc định kỳ nạo vét và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công

- Kho chứa chất thải nguy hại: Bố trí kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 7,75 m², kho được vây kín bằng tôn, có mái che, nền đổ bê tông chống thấm đảm bảo kín khít và không bị thấm thấu, có gờ chống tràn, trong kho bố trí cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, lắp đặt đầy đủ biển tên, biển cảnh báo chất thải nguy hại, biển cấm lửa và trang bị vật tư, thiết bị phòng và ứng phó sự cố đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí 04 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 240 lít; 04 thùng phuy 120 lít; tại kho chứa chất thải nguy hại, các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được gắn mã phân loại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 7,75 m², kho được vây kín bằng tôn, có mái che, nền đổ bê tông chống thấm đảm bảo kín khít và không bị thấm thấu, có gờ chống tràn, trong kho bố trí cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, lắp đặt đầy đủ biển tên, biển cảnh báo chất thải nguy hại, biển cấm lửa và trang bị vật tư, thiết bị phòng và ứng phó sự cố đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí 05 thùng chứa dung tích 120 lít để chứa các loại chất thải nguy hại

tại kho chứa chất thải nguy hại. Các thùng lưu chứa này có nắp đậy kín, được dán nhãn nhận biết bên ngoài và để tại vị trí quy định theo biển hướng dẫn được ghim trên tường trong kho chứa chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công cùng một lúc các công đoạn có phát ra tiếng động lớn. Không thi công hạng mục phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn vào thời gian nghỉ trưa từ 11h30 đến 13h30 và ban đêm từ 20h đến 6h sáng hôm sau, đặc biệt không thực hiện hoạt động đổ bê tông sau 21 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân, đặc biệt là những công nhân tiếp xúc trực tiếp với các máy móc, phương tiện phát sinh độ ồn lớn như: máy trộn bê tông, xe ủi.

- Tất cả các xe vận tải và máy móc, thiết bị cơ giới đưa vào phục vụ thi công xây dựng cần đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Cục Đăng kiểm; các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu cần tuân thủ quy định về tải trọng cho phép nhằm đảm bảo về mức độ an toàn và tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị giảm thanh (như ống xả...) trên các phương tiện thi công.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt;

- Ban hành, lắp đặt bảng biểu nội quy về các quy định giữ gìn trật tự trong khuôn viên dự án;

- Bố trí đặt máy phát điện tại phòng riêng có tường bao che, lắp đệm chống ồn, rung cho máy phát điện;

- Thiết kế gờ giảm tốc tăng ma sát tại đường dẫn vào bãi đỗ xe để hạn chế tốc độ phương tiện ra vào.

- Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở

Gia cố mái taluy dài 150 m: Sử dụng đỉnh đất D110 dài 3,9 m kết hợp gia cố lưới B40 phun vữa xi măng M100 dày 5 cm, đặt trên lớp vải địa kỹ thuật.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Phương án giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Tuân thủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất, rừng...; không phát quang thảm thực vật ngoài ranh giới Dự án.

- Cấm biển báo tại nơi có nguy cơ xảy ra các sự cố; thi công đào đắp, xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ phục vụ thi công tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật. Chân bãi thải bố trí kè bằng rọ đá tại các vị trí xung yếu để gia cố đảm bảo an toàn, không gây sạt lở, trượt.

- Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động: Tuân thủ đúng quy trình thi công các hạng mục công trình; lắp đặt các biển hiệu cảnh báo nguy hiểm, quy định tốc độ để hạn chế tai nạn giao thông; trang bị đầy đủ bảo hộ cho cán bộ công nhân tham gia thi công tại công trường.

- Tuân thủ các quy định của Luật Đất đai trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng để thi công Dự án; toàn bộ diện tích đất rừng phòng hộ và các loại đất khác (đất trồng cây lâu năm, hàng năm) có yêu cầu thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án được Chủ đầu tư đền bù theo từng loại đất theo quy định của pháp luật.

- An toàn bãi thải: Tuân thủ việc đổ thải tại bãi thải đã quy hoạch và được đồng ý về vị trí đổ thải của UBND xã nơi thực hiện dự án. Các thiết kế kỹ thuật của bãi thải phải được cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt. Chấp hành tuyệt đối quy trình đổ thải (*kè chân bãi thải, chất thải đổ theo lớp, các lớp được lu lèn; gia cố nền và vách bãi thải bằng vật liệu có độ thấm thấp rồi lu lèn; san gạt tạo mặt bằng sau khi kết thúc đổ thải*); cấm biển báo, rào chắn tại cổng ra vào; quản lý xe ra vào; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình thi công.

- Sự cố hóa chất phòng thí nghiệm: Bảo quản hóa chất theo đúng quy định của phòng thí nghiệm. Cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong quá trình thực hiện để hạn chế tối đa sự cố. Chỉ sử dụng lượng hóa chất phục vụ thí nghiệm vừa đủ đặc biệt là hóa chất nguy hại, dễ gây cháy nổ.

- Sự cố sét đánh: Lắp đặt công trình chống sét với hệ thống kim thu sét, dây dẫn và hệ thống tiếp địa có khả năng dẫn điện tốt hơn khả năng dẫn điện của công trình như thép mạ đồng, đồng thau... để phòng chống sét cho công trình.

- Sự cố thiên tai: Phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai, sạt lở: định kỳ trước, sau mùa mưa thực hiện nạo vét và khơi thông dòng chảy hệ thống thoát nước nội bộ, nạo vét các hố ga để phòng ngừa các sự cố ứ đọng, ngập úng do ách tắc hệ thống thoát nước.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Thực hiện theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

+ Vị trí giám sát: Khu vực thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt, khu vực bãi thải, khu vực kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải nguy hại.

+ Thông số giám sát: Việc thu gom, phân định, phân loại, khối lượng chất thải, chủng loại chất thải rắn phát sinh; vận chuyển đất đá thải và việc xử lý đảm bảo an toàn tại bãi xử lý đất đá thải.

+ Thực hiện quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

b) Giám sát khác

- Giám sát trượt sạt, sụt lún

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực thi công dự án.

+ Tần suất thực hiện: Vào mùa mưa việc giám sát được thực hiện hàng ngày; vào mùa khô liên tục trong quá trình thi công; sau khi thi công xong giám sát 3 tháng/lần.

- Giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu

+ Nội dung giám sát: Xe chở nguyên vật liệu được che chắn, vận chuyển đúng tải trọng, đúng tuyến đường vận chuyển.

+ Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa sự cố, rủi ro có thể xảy ra: Sạt lở, xói mòn, an toàn công trình, an toàn lao động.

+ Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

+ Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình thi công Dự án.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt, kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Việc thu gom, phân định, phân loại, khối lượng chất

thải, chủng loại chất thải rắn, CTNH phát sinh.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án khi được cơ quan quản lý nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, cấm mốc, giao đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án.

- Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Mù Cả và các cơ quan liên quan: Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 67/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về xác định phạm vi vành đai biên giới trên địa bàn tỉnh. Không để việc triển khai dự án ảnh hưởng đến công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

- Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức duy tu, sửa chữa các tuyến đường chịu tác động bởi dự án, gồm: Tuyến đường giao thông liên xã, quốc lộ 4H khi các tuyến đường này bị hư hỏng, xuống cấp do quá trình triển khai dự án.

- Lập và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; an toàn lao động; an toàn giao thông; phòng chống cháy nổ; sự cố sạt lở, trượt lở đất đá khu vực bãi thải, phòng chống mưa bão, lũ lụt nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Tuân thủ các quy định của Luật Địa chất và khoáng sản khi sử dụng vật liệu xây dựng thông thường được khai thác trong phạm vi dự án.

- Phổ biến thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân, lao động về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án; có biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân, lao động nhằm

ngăn chặn các hành vi chặt phá cây rừng, săn bắt động vật xung quanh khu vực thực hiện Dự án và thực hiện nghiêm túc các quy định về an ninh quốc phòng.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.
